

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày 27-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2. Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/HSST-QĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn T, sinh năm: 1998, nơi sinh: tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp NT, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1976; vợ: Nguyễn Thị Anh T (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2017; tiền án: không, tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm lại vụ án thì bị Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 (một) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2022/HS-ST ngày 29/11/2022 (chưa chấp hành hình phạt); tiền sự: có 06 tiền sự:

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 03/QĐ-XPHC ngày 08/3/2018 của Trưởng Công an xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa đóng phạt;

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 05/QĐ-XPHC ngày 20/8/2018 của Trưởng Công an xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa đóng phạt;

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 195/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre áp dụng

biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đến ngày 14/02/2019 tiếp tục hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CS ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã và đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc;

+ Tại Quyết định số: 04/QĐ-TA ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 02/01/2020;

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 205/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 09/02/2021;

+ Tại Quyết định số: 21/QĐ-TA ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, chưa chấp hành;

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre từ ngày 26/11/2021 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Văn L**, sinh năm: 1996, nơi sinh: tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp VN, xã VM, thành phố KM, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Lê Thị Kiều L, sinh năm: 1972; (tại phiên sơ thẩm bị cáo khai sống chung như vợ chồng với chị Đinh Thị Ánh T, sinh năm 1993 và có 01 người con sinh năm 2021); tiền án: có 02 tiền án. Tại Bản án số: 04/2017/HS-ST ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số: 36/2017/HSST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố KM, tỉnh Long An xử phạt 02 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Văn L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/7/2020; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre từ ngày 06/5/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Anh Cao Văn D, sinh năm: 2002.

Nơi cư trú: Ấp NT, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967.

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. Anh Trần P V, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Ấp BS, xã NĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1997.

Nơi cư trú: Ấp NT, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

5. Anh Trương Hữu V, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: Ấp NT, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

6. Chị Huỳnh Thị T, sinh năm: 2010.

Nơi cư trú: Ấp PT, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

7. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1987 (Đồng thời là người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Thị T)

Nơi cư trú: Ấp PT, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

8. Anh Lê Hoàng S, sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: Ấp AH, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

9. Anh Đoàn Văn P, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: Ấp AP, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Văn T, sinh năm: 1981.

Nơi cư trú: KP 4, phường 7, thành phố K, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Quang G, sinh năm: 1995.

Nơi cư trú: KP 1, phường PK, thành phố K, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 12/9/2021, Huỳnh Văn T đi cùng Trần Văn T bằng xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, màu sơn đỏ đen (không nhớ biển số) của T đến huyện Thạnh Phú để mua gà đá thì bị rớt mất biển số xe. Khi về đến nhà nghỉ “MK” thuộc ấp T, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre thì T gửi xe mô tô của mình tại nhà nghỉ và mượn xe mô tô biển số 71B4-231.94 của Phạm Chí Hào (đang thuê trọ tại nhà nghỉ) để đi về thành phố K. Đến khoảng 22 giờ ngày 13/9/2021, T nhờ Huỳnh Văn T điều khiển xe mô tô biển số 71B4-231.94 chở Nguyễn Hoàng Tuấn đi từ thành phố K đến nhà nghỉ “MK” để đổi xe chạy về giùm. Khoảng 01 giờ ngày 14/9/2021, sau khi đổi xe do xe T bị hư bình ắc quy không đề máy được nên cả hai đẩy bộ. Đến đường lộ bê tông thuộc ấp MĐ, xã HM, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, T nảy sinh ý định trộm xe mô tô khác để lấy bình ắc quy thay vào xe T và được Tuấn đồng ý. T quan sát phát hiện bên hông nhà bà Nguyễn Thị T thuộc ấp MĐ, xã HM có dựng xe mô tô nhãn

hiệu Silva biển số 71S7-6036 nên trực tiếp vào lấy trộm, Tuấn đứng bên ngoài cảnh giới. Do xe có gắn sẵn chìa khóa nên T điều khiển xe chở Tuấn đi cách nhà bà T khoảng 200m thì dừng lại tháo lấy bình ắc quy. Khi cả hai đang tháo bình ắc quy thì bị lực lượng Công an xã HM, huyện M tuần tra phát hiện bắt quả tang.

Qua làm việc, Huỳnh Văn T còn khai nhận: Trước đó, vào rạng sáng ngày 20/8/2021, T phát hiện xe mô tô hiệu Sirius, biển số 71B4-574.65 của anh Cao Văn D dựng ở nhà sau, trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên lén lút chiếm đoạt. Sau đó sử dụng làm phương tiện đi lại và đem gửi tại nhà ông Lê Hữu N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đã lập biên bản thu giữ xe.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án gồm:

- + 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SILVA, biển số 71S7-6036, số khung S71-008545, số máy MH-0008545; 01 (một) ốp sườn xe bằng nhựa màu xanh.

- + 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, số khung BE13B-TH117908, số máy F120-TH201301, không biển số; 01 (một) bình ắc quy màu đen; 01 (một) cây kiểm cân bằng nhựa màu đỏ đen.

- + 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, số khung RLCUE3710MY181251, số máy E32VE336813.

- + Ông Lê Hữu Nghĩa giao nộp: 01 (một) biển số xe 71K8-8214.

- + Bị cáo Huỳnh Văn T giao nộp: 01 (một) biển số xe 71B4-574.65.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐĐGTS và Bản kết luận định giá tài sản số: 31/KL-HĐĐGTS cùng ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: Xe mô tô hiệu SILVA, biển số 71S7-6036 có giá trị là 2.700.000 đồng; xe mô tô hiệu YAMAHA, số loại Sirius, biển số 71B4-574.65 có giá trị là 14.000.000 đồng. Bị cáo và bị hại đồng ý với kết luận định giá tài sản.

Sau khi bị khởi tố điều tra, chờ xử lý đối với hành vi trên thì Huỳnh Văn T đã tiếp tục thực hiện 04 lần phạm tội khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1:

Khoảng 18 giờ ngày 15/10/2021, Huỳnh Văn T mượn xe mô tô (không nhớ biển số) của bạn (không rõ nhân thân) ở chung nhà trọ “HB” thuộc ấp AN, xã ĐP, huyện M, tỉnh Bến Tre để về thăm nhà. Sau đó, trên đường trở lại nhà trọ, đến khu vực ấp BS, xã NĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre thì phát hiện có một lồng xe tự chế dùng để chở heo của anh Trần P V để ở lề đường bên trái, không người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt và dùng xe mô tô kéo chiếc lồng xe về để ở cây xăng đối diện nhà trọ “HB”. Sáng hôm sau, T đem lồng xe đến vừa ve chai ở ấp AV, xã ĐP, huyện M do bà Nguyễn Thị H làm chủ bán được số tiền 729.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe lồng, bà Hảo đã cắt bán sắt vụn nên không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 14/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 (một) xe lồng,

loại xe kéo tự chế, được làm bằng thép ống mạ kẽm... khoảng 81kg, có giá 2.310.000 đồng. Bị cáo và bị hại đồng ý với kết luận định giá tài sản.

Vụ thứ 2:

Vào khoảng 17 giờ ngày 18/10/2021, Huỳnh Văn T đi cùng với Nguyễn Hoài H về nhà T bằng xe mô tô của T (không nhớ biển số). Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, trên đường đi về xã ĐP đến tuyến lộ liên ấp LT, xã CS, huyện M thì phát hiện chiếc lồng xe dùng chở heo của anh Nguyễn Thanh N để ở trong lề đường nên T rủ H lấy trộm thì được H đồng ý. T điều khiển xe mô tô chở H ngồi sau kéo theo lồng xe trộm được về xã ĐP. Khi về gần đến nhà H, lồng xe bị lật xuống mương nước nên cả hai bỏ lồng xe lại rồi T đến nhà nghỉ “AB” thuộc ấp AB, xã AT, huyện M thuê phòng ngủ còn H điều khiển xe mô tô về nhà. Sáng hôm sau, H quay lại kéo lồng xe trộm được lên và đem bán cho ông Lê Thanh Lộc được số tiền 1.000.000 đồng và đưa hết cho T.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) xe lồng, loại xe kéo tự chế, được làm bằng thép ống mạ kẽm phi 21, 27; kích thước: tổng chiều dài xe 2,5m, chiều dài thùng xe 1,60m, chiều rộng thùng xe 0,63m, chiều cao thùng xe 0,75m, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay; xe có tổng trọng lượng 105kg.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 14/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 (một) xe lồng, loại xe kéo tự chế, được làm bằng thép ống mạ kẽm phi 21, 27; kích thước: tổng chiều dài xe 2,5m, chiều dài thùng xe 1,60m, chiều rộng thùng xe 0,63m, chiều cao thùng xe 0,75m, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay; xe có tổng trọng lượng 105kg, có giá 3.150.000 đồng. Bị cáo và bị hại đồng ý với kết luận định giá tài sản.

Vụ thứ 3:

Khoảng 16 giờ ngày 22/10/2021, Huỳnh Văn T mượn xe mô tô (không nhớ biển số) của bạn (không rõ nhân thân) ở chung nhà trọ “HB” để về nhà. Trên đường về lại nhà trọ, đến khu vực ấp Thanh S, xã CS, huyện M thì cho người bạn tên Tú (không rõ nhân thân) đi nhờ xe. T chở Tú trên tuyến lộ liên xã ND và CS, huyện M thì phát hiện thấy lồng xe dùng chở heo của anh Trương Hữu V để ở trong lề đường bên trái nên lấy trộm và chở Tú kéo theo lồng xe tẩu thoát. Sau khi Tú xuống xe, T tiếp tục kéo lồng xe trên đến đường lộ Hóc Môn thuộc xã AT, huyện M để cặp lề lộ rồi điều khiển xe về nhà trọ. Sáng hôm sau, T quay lại kéo lồng xe đến vựa ve chai của bà Nguyễn Thị Bích Liên thuộc ấp Phú Lộc Hạ 1, xã An Định, huyện M, tỉnh Bến Tre bán được số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, bà Liên đã bán lồng xe lại cho người khác không rõ nhân thân nên không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 14/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 (một) xe lồng, loại xe kéo tự chế, được làm bằng thép ống mạ kẽm... khoảng 120kg, có giá 3.250.000 đồng. Bị cáo và bị hại đồng ý với kết luận định giá tài sản.

Vụ thứ 4:

Khoảng 16 giờ ngày 30/10/2021, Huỳnh Văn T mượn xe mô tô (không nhớ biển số) của ông Nguyễn Văn Nhanh chở Lê Văn L về nhà T. Sau đó, T chở L đến xã HM, huyện M để lấy tiền người khác nợ T. Khi đến lộ bê tông thuộc ấp PT, xã CS thì dừng xe để L vào tiệm tạp hóa của bà Huỳnh Thị H mua thuốc lá và nước uống. Lúc này, tại cửa hàng có chị Huỳnh Thị T (là con ruột bà H) đang quản lý cửa hàng. L dụng lúc chị Thơ đi vào trong để lấy tiền thối, L đã lén lút lấy trộm được 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A6 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO tại tiệm bà H rồi đi ra xe. Khi T điều khiển xe chạy được một đoạn khoảng 20 - 30 mét thì L nói cho T biết vừa trộm được 02 điện thoại và kêu T chạy nhanh để tẩu thoát. Khi về đến nhà trọ “HB”, L đưa cho T điện thoại di động hiệu OPPO, sau đó T đưa điện thoại này cho ông Nguyễn Văn N để trừ tiền thuê nhà trọ. Cơ quan điều tra đã thu hồi được điện thoại di động hiệu OPPO, riêng máy tính bảng hiệu Samsung do bị hư hỏng nên L đã vứt bỏ, không thu hồi được.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu đen, số IMEI1: 868683049504917, số IMEI2: 868683049504909.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐGTS ngày 14/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu đen, số IMEI1: 868683049504917, số IMEI2: 868683049504909 có giá trị 1.600.000 đồng; 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A6 có giá trị 1.200.000 đồng. Bị cáo và bị hại đồng ý với kết luận định giá tài sản.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Lê Văn L đã cùng với Nguyễn Văn H thực hiện tiếp 02 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện M, tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1:

Khoảng 20 giờ ngày 29/4/2022, Nguyễn Văn H mượn xe mô tô (không nhớ biển số) của anh Trương Thái S chở Lê Văn L đi từ chợ AT ra tuyến tránh QL60. Khi đi ngang nhà ông Bùi Văn Thiên thuộc ấp An Thuận, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre thì L phát hiện xe mô tô biển số 52H4-3840 của anh Lê Hoàng S đang dựng trong sân nhà ông Thiên nên nảy sinh ý định lấy trộm và kêu H dừng xe lại đợi. L đi bộ vào dẫn xe mô tô của anh S ra khỏi cổng rào, do xe không có chìa khóa nên L lên xe để H điều khiển xe của H đẩy ra đến tuyến tránh QL60 rồi rẽ vào đường nhỏ, L dùng kiềm có sẵn trong cốp xe H điều khiển tháo biển số, бага, bửng chắn gió của xe trộm được rồi rút dây điện nguồn, khởi động máy và điều khiển đến cầu Bà Hạt thuộc ấp TH, xã TA, huyện M, tỉnh Bến Tre rút bửng chắn gió, бага, biển số xe cùng cây kiềm xuống sông. Sau đó, L đem xe bán cho anh Nguyễn Huy B với giá 4.000.000 đồng và chia cho H 1.500.000 đồng. Anh B đã bán lại cho anh Bùi P với giá 7.000.000 đồng; anh P bán cho anh Nguyễn Thanh T với giá 9.000.000 đồng; anh T bán lại cho anh Đinh Hữu N với giá 9.500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

M, tỉnh Bến Tre đã thu hồi được xe mô tô nêu trên, đối với bùng chấn gió, бага và biển số xe cùng cây kiềm không thu hồi được.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án gồm:

+ Anh Đinh Hữu Nghị giao nộp: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, không biển số; số khung, số máy bị đục.

+ Anh Bùi P Phú giao nộp: 01 (một) biển số xe 71B2-108.79.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 29/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 52H4-3840 có giá là 22.000.000 đồng. Bị cáo và bị hại đồng ý với kết luận định giá tài sản.

Vụ thứ 2:

Khoảng 04 giờ ngày 02/5/2022, Nguyễn Văn H tiếp tục mượn xe mô tô (không nhớ biển số) của anh Trương Thái S chở Lê Văn L về nhà trọ ở ấp An Lộc, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Khi chạy ngang quán “Trà sữa 1996” thuộc ấp AP, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre thì L phát hiện chiếc xe mô tô biển số 71B3 - 389.22 của anh Đoàn Văn P đang dựng trước quán, trên xe có gắn sẵn chìa khóa và không người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm và kêu H quay lại để L trộm xe rồi cả hai cùng tẩu thoát. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, L và H nhờ anh Nguyễn Huy Cường đem xe nêu trên đến cầm tại tiệm cầm đồ “Chí Bảo” thuộc khu phố 2, phường 8, thành phố K do Nguyễn Quang G làm chủ với giá 8.000.000 đồng, L cho Cường 1.000.000 đồng, chia cho H 3.500.000 đồng.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án gồm:

+ Anh Nguyễn Quang G giao nộp: 01 (một) xe mô tô biển số 71B3-389.22; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71B3-389.22.

+ Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn L tạm giữ: 01 (một) xe mô tô biển số 53Y9-2567.

+ Chị Đinh Thị Ánh Tuyết giao nộp: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn L số 301354458.

+ Bà Nguyễn Bích Tuyền giao nộp: 01 (một) đĩa DVD chứa đoạn video clip ghi lại hình ảnh Lê Văn L và Nguyễn Văn H lấy trộm tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số 71B3-389.22 có giá là 10.000.000 đồng. Bị cáo và bị hại đồng ý với kết luận định giá tài sản.

Tại Cáo trạng số: 14/CT-VKSMCN ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với bị cáo Huỳnh Văn T về “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 và “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323; bị cáo Lê Văn L về “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Huỳnh Văn T, Lê Văn L giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng, tại phiên tòa các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt; bị hại anh Cao Văn D, bà Nguyễn Thị T, anh Trần Phong V, anh Nguyễn Thanh N, anh Trương Hữu V, chị Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị H và anh Đoàn Văn P giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T và anh Nguyễn Quang G giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị hại anh Lê Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội tiêu thụ tài sản cho người khác phạm tội mà có”; bị cáo Lê Văn L phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt của “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải chấp hành hình phạt từ 02 (năm) 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2022/HS-ST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Bến Tre. Mức hình phạt chung bị cáo T phải chấp hành từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 02 (năm) 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự:

Bị cáo T đã bồi thường cho anh Trương Hữu V giá trị xe lòng với số tiền 3.250.000 đồng, bồi thường cho anh Trần P V giá trị xe lòng với số tiền 2.310.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

Buộc bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Huỳnh Thị H giá trị chiếc máy tính bảng hiệu Samsung với số tiền 1.200.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đã trả bà Nguyễn Thị Tám: 01 (một) xe mô tô biển số 71S7-6036; trả cho anh Cao Văn D: 01 (một) xe mô tô biển số 71B4-574.65; trả cho anh Võ Minh Thủ: 01 (một) biển số xe 71K8-8214; trả cho bà Huỳnh Thị H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu đen; trả cho ông Nguyễn Thanh N: 01 (một) xe lòng tự chế; trả cho anh Đoàn Văn P: (01) một xe mô tô biển số 71B3-389.22 và 01 (một) một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71B3-389.22; trả lại cho anh Lê Hoàng S: 01 (một) xe mô tô hai bánh (không biển số); trả cho anh Trương Hồng Đạt: 01 biển số xe 71B2-108.79.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kiếm cán bằng nhựa màu đỏ đen.

Các vật chứng nêu trên được xem xét, giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét, giải quyết lại trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại anh Cao Văn D, bà Nguyễn Thị T, anh Trần Phong V, anh Nguyễn Thanh N, anh Trương Hữu V, chị Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị H, anh Đoàn Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T, anh Nguyễn Quang G có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị hại anh Lê Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của những người nêu trên không làm ảnh hưởng

đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Các bị cáo Huỳnh Văn T, Lê Văn L thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ để xác định:

Đối với Huỳnh Văn T: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/9/2021 đến ngày 30/10/2021, T đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 25.410.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm mười nghìn đồng) và 01 lần tiêu thụ tài sản do Lê Văn L phạm tội mà có. Trong đó: T trộm của anh Cao Văn D tại ấp NT, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre 01 xe mô tô biển số 71B4-574.65 có giá trị 14.000.000 đồng; trộm của anh Trần P V tại ấp BS, xã NĐ, huyện M, tỉnh Bến Tre 01 xe lồng tự chế có giá trị 2.310.000 đồng; trộm của anh Trương Hữu V 01 xe lồng tự chế tại ấp NT, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre có giá trị là 3.250.000 đồng; T cùng với Nguyễn Hoàng Tuấn trộm của bà Nguyễn Thị Tám tại ấp MĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre 01 xe mô tô biển số 71S7-6036 có giá trị 2.700.000 đồng; T cùng với Nguyễn Hoài H trộm của anh Nguyễn Thanh N tại ấp NT, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre 01 xe lồng tự chế có giá trị 3.150.000 đồng và tiêu thụ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S trị giá 1.600.000 đồng.

Đối với Lê Văn L: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/10/2021 đến ngày 02/5/2022, L đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 34.800.000 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó: L trộm của bà Huỳnh Thị H tại ấp PT, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu đen và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A6 với tổng giá trị là 2.800.000 đồng; L cùng với Nguyễn Văn H trộm của anh Lê Hoàng S 01 xe mô tô biển số 52H4-3840 có giá trị 22.000.000 đồng; L cùng với Nguyễn Văn H trộm của anh Đoàn Văn P 01 xe mô tô biển số 71B3-389.33 có giá trị 10.000.000 đồng.

Các bị cáo là người thành niên, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo là người trong độ tuổi lao động nhưng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản và sự thiếu cảnh giác của các bị hại nên các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Các bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác nhưng vẫn cố tình thực hiện, đây là lỗi cố ý trực tiếp của các bị cáo. Riêng đối với bị cáo T, vào ngày 30/10/2021, mặc dù không hứa hẹn trước, bị cáo biết rõ tài sản gồm điện thoại di động hiệu OPPO A5S, màu đen và máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A6 do bị cáo L trộm cắp mà có nhưng vẫn lấy điện thoại để sử dụng cá nhân, bị cáo

thực hiện hành vi với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn tạo điều kiện khuyến khích người khác đi vào con đường phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Huỳnh Văn T phạm “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Lê Văn L phạm “Tội trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng số 14/CT-VKSMCN ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với hành vi của anh Trần Văn T, ông Nguyễn Văn Nh, ông Trương Thái S cho Huỳnh Văn T, Lê Văn L và Nguyễn Văn H mượn xe nhưng không biết việc các bị cáo sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Văn N, ông Lê Thanh L, anh Nguyễn Huy B, anh Bùi Phong B, anh Nguyễn Thanh T, anh Đinh Hữu N, anh Nguyễn Huy C, anh Nguyễn Quang G và ông Lê Hữu N có hành vi tiêu thụ tài sản nhưng tất cả không có hứa hẹn trước và không biết được tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Riêng đối với hành vi của Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Văn H và Nguyễn Hoài H đồng phạm với Huỳnh Văn T, Lê Văn L đã được điều tra, xét xử xong bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với đối tượng tên Tú (không rõ nhân thân) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre tiếp tục xác minh xử lý sau.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; hiện nay, ở địa phương loại tội phạm này xảy ra ngày càng gia tăng và phức tạp, gây tâm lý bất an cho người dân trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, cần xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tạo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[5] Trong lượng hình Hội đồng xét xử xem xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cụ thể:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo T: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối

với “Tội trộm cắp tài sản”. Đối với “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Đối với bị cáo L: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo T: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; bên cạnh đó, bị cáo có cha ông Huỳnh Văn H và ông nội ông Huỳnh Văn Tài là người có công với cách mạng - đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng đối với “Tội trộm cắp tài sản”.

Đối với “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 nêu trên, bị cáo còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đối với bị cáo L: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng đối với bị cáo.

[5.3] Về vai trò: Đây là vụ án đồng phạm, tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự phân công vai trò cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ ở mức đồng phạm giản đơn.

[5.4] Về nhân thân: Các bị cáo không được xem là người có nhân thân tốt do bị cáo T có 06 tiền sự, bị cáo L có 02 tiền án. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần đều này cho thấy thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo. Đồng thời, căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Hội đồng xét xử quyết định cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Qua xem xét về nhân thân, điều kiện

và hoàn cảnh sống của các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại anh Cao Văn D, bà Nguyễn Thị T, anh Đoàn Văn P, anh Lê Hoàng S, anh Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Trong quá trình điều tra, bị cáo T đã bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 3.250.000 đồng cho anh Trương Hữu V, bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 2.130.000 đồng cho anh Trần P V. Các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự và phù hợp với Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589 của Bộ luật Dân sự nên ghi nhận.

Bị cáo L, H liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Quang G số tiền bỏ ra để cầm xe mô tô biển số 71B3-389.22 là 8.000.000 đồng đã được xem xét, giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên không xem xét trong vụ án này.

Buộc bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Huỳnh Thị H giá trị chiếc máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A6 với số tiền 1.200.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đã trả cho bà Nguyễn Thị Tám: 01 (một) xe mô tô biển số 71S7-6036 và trả cho anh Cao Văn D: 01 (một) xe mô tô biển số 71B4-574.65 theo Quyết định xử lý vật chứng số: 01 ngày 14 tháng 12 năm 2021. Trả cho anh Võ Minh Thủ: 01 (một) biển số xe 71K8-8214 theo Quyết định xử lý vật chứng số: 03 ngày 26 tháng 01 năm 2022. Trả cho bà Huỳnh Thị H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu đen; trả cho ông Nguyễn Thanh N: 01 (một) xe lồng tự chế theo Quyết định xử lý vật chứng số: 13 ngày 14 tháng 3 năm 2022. Trả cho anh Đoàn Văn P: (01) một xe mô tô biển số 71B3-389.22 và 01 (một) một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71B3-389.22; trả lại cho anh Lê Hoàng S: 01 (một) xe mô tô hai bánh (không biển số); trả cho anh Trương Hồng Đạt: 01 biển số xe 71B2-108.79 theo Quyết định xử lý vật chứng số: 24 ngày 22 tháng 6 năm 2022.

Đối với 01 (một) cây kiếm cán bằng nhựa màu đỏ đen là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Các vật chứng nêu trên được xem xét, giải quyết tại Bản án sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre và Bản án hình sự phúc thẩm số: 133/2022/HS-PT ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét, giải quyết lại trong vụ án này.

Đối với xe mô tô không biển số, nhãn hiệu Suzuki Sport, số khung BE13B-TH117908, số máy F120-TH201301 của anh Trần Văn T và xe mô tô biển số 53Y9-2567 thu giữ trong quá trình khám xét đối với Nguyễn Văn H. Tuy nhiên, kết quả tra

cứu không có trong hệ thống quản lý của Cơ quan Công an và kết quả giám định không xác định được nguồn gốc. Do đó, Cơ quan điều tra chuyển bộ phận có thẩm quyền của Công an huyện M tiếp tục xác minh, xử lý nên không giải quyết trong vụ án này.

Đối với giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn L số 301354458 đã thu giữ, kết quả giám định là giấy giả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đã chuyển đến Công an thành phố KM, tỉnh Long An để tiếp tục xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

[9] Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

[10] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Lê Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 02 (hai) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 06 (sáu) tháng tù về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt của “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo Huỳnh Văn T phải chấp hành hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2022/HS-ST ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2021.

[2] Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2022.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho bà Huỳnh Thị H số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Lê Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên và đóng dấu)

- UBND xã VM;
- UBND xã CS;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân